

ĐIỀU TRA, NGHIÊN CỨU HIỆN TRẠNG MỘT SỐ LOÀI CÂY THUỐC BỊ ĐE DỌA TẠI XÃ QUÂN CHU, HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Mai Hoàng Đạt*, Đậu Xuân Hòa, Phạm Thị Thanh Vân
Trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên

TÓM TẮT

Xã Quân Chu, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên là xã có đông đảo đồng bào người dân tộc thiểu số sinh sống: Người Dao, Sán Riêu, Tày, Nùng. Một phần khá lớn của xã tiếp giáp và thuộc vùng núi Tam Đảo. Nơi đây hầu hết người dân làm nông nghiệp và khai thác tài nguyên từ núi rừng để phục vụ cho nhu cầu cuộc sống, chữa bệnh. Từ lâu đời, đồng bào Dao, Sán Diu nơi đây đã biết khai thác tài nguyên cây dược liệu vùng núi Tam Đảo để làm thuốc chữa bệnh. Kết quả điều tra cho thấy hiện có 133 loài cây dược liệu được dùng làm thuốc, trong đó ngành Thông đất có 2 loài chiếm 1,5%, ngành Dương xỉ có 3 loài chiếm 2,3%, ngành Ngọc lan có 128 loài chiếm 96,2%. Có 2 loài thuộc danh mục nguy cấp trong sách Đỏ và 2 loài thuộc nghị định 32 của chính phủ. Ngoài ra có khoảng 12 loài có giá trị cao đang bị khai thác tận diệt. Có 2 mô hình khai thác sử dụng bền vững cần được nhân rộng.

Từ khóa: *Cây thuốc, xã Quân Chu, Vùng núi Tam Đảo, tài nguyên dược liệu, cây thuốc quý bị đe dọa*

Ngày nhận bài: 26/3/2019; Ngày hoàn thiện: 05/4/2019; Ngày duyệt đăng: 22/4/2019

INVESTIGATION, RESEARCH CURRENT STATUS OF SOME HURB SPECIES DISABLED IN QUAN CHU COMMUNE, DAI TU DISTRICT, THAI NGUYEN PROVINCE

Mai Hoang Dat*, Dau Xuan Hoa, Pham Thi Thanh Van
University of Agriculture and Forestry - TNU

ABSTRACT

Quan Chu commune, Dai Tu district, Thai Nguyen province which is a commune that have some ethnic group such as: Dao, San Diu, Tay, Nung. A large areas of the Quan Chu are contiguous with Tam Dao mountain. The human life in Quan Chu Commune depending on agriculture and natural resources for survive and treating. Though for a long time, the peoples of Dao and San Diu group were collecting and using the medicinal from natural resources in Tam Dao mountain area. The survey results show that there are 133 species of hurb plants which will be used for medicinal such as **Lycopodiophyta** have 2 species about 1.5%; the **Polypodiophyta** has 3 species about 2.3%, the **Magnoliophyta** has 128 species about 96.2%. However, there are 4 species in the Red Book of Viet Nam and Government Decree 32. In additional, about 12 high value species are being exploited to empty. There are two models of sustainable exploitation and apply, which should be replicated.

Key word: *Medicinal plants, Quan Chu commune, Tam Dao mountain area, medicinal resources, Precious medicinal plants are threatened*

Received: 26/3/2019; Revised: 05/4/2019; Approved: 22/4/2019

* Corresponding author: Email: maihoangdat@tuaf.edu.vn

ĐẶT VẤN ĐỀ

Biến đổi khí hậu, tài nguyên bị tàn phá, bệnh dịch đang là những thách thức lớn của nhân loại. Con người ngày càng quan tâm hơn tới việc sử dụng các loại thuốc có nguồn gốc tự nhiên để chữa bệnh, vừa có thể chữa trị tận gốc lại ít gây tác dụng phụ. Đó cũng là một phần nguyên nhân khiến cho tài nguyên cây dược liệu tự nhiên bị khai thác mạnh mẽ và ngày càng cạn kiệt. Đồng thời tri thức bản địa về giá trị, cách thức sử dụng cây dược liệu trong kho tàng tri thức của đồng bào các dân tộc thiểu số ngày càng mai một. Chính vì vậy, việc điều tra tài nguyên thực vật được dùng làm thuốc, tri thức bản địa của đồng bào các dân tộc thiểu số về sử dụng thuốc từ thực vật ngày càng cấp thiết.

ĐỐI TƯỢNG, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là các loài thực vật dùng làm thuốc trên địa bàn xã Quân Chu, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

Nội dung nghiên cứu

Điều tra thành phần các loài cây được sử dụng làm thuốc, điều tra tri thức bản địa trong việc sử dụng các loài thực vật dùng làm thuốc chữa bệnh của đồng bào người dân tộc Dao, Sán Dìu trên địa bàn xã. Đánh giá hiện trạng khai thác, sử dụng một số loài cây thuốc bị đe dọa, đề xuất biện pháp bảo tồn và sử dụng bền vững.

Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp điều tra tài nguyên cây thuốc:

Áp dụng phương pháp điều tra theo hệ thống tuyến của Hoàng Chung (2008) [1] và Nguyễn Nghĩa Thìn (2008) [2]. Gồm điều tra theo tuyến, thu mẫu, xử lý mẫu và phân loại thực vật. Mẫu vật được ép, sấy khô tại Phòng thí nghiệm khoa Tài Nguyên môi trường – ĐH Nông Lâm Thái Nguyên và được định danh tại Trạm đa dạng sinh học Mê Linh – Vĩnh Phúc.

Phương pháp phân tích và phân loại mẫu:

Phân loại mẫu dựa vào các tài liệu như Danh lục các loài thực vật Việt Nam (2003, 2005) [3], Phạm Hoàng Hộ (2003) [4], Võ Văn Chi (1996) [5], Đỗ Tất Lợi (2005) [6]. Trần Đình Lý (1993) [7], Nguyễn Tập (2007) [8], Tên cây rừng Việt Nam (2000) [9].

Website: www.theplanlist.org;
www.botanyvn.com;

Phương pháp điều tra phỏng vấn: Phỏng vấn các thầy lang người Dao, Sán Dìu trong quá trình đi điều tra thu mẫu, phỏng vấn tại gia đình, phỏng vấn những người dân có kinh nghiệm về sử dụng cây thuốc tại xã. Phiếu điều tra theo mẫu của Viện dược liệu [10].

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Đa dạng thành phần loài, dạng sống và giá trị sử dụng của các loài cây dược liệu được dùng làm thuốc tại khu vực nghiên cứu

Qua điều tra thực địa: Vườn thuốc, lộ tuyến ven suối, lộ tuyến rừng tái sinh, vùng núi Tam Đảo thuộc địa bàn xã, vùng đệm, chúng tôi đã ghi nhận được 133 loài cây dược liệu được đồng bào Dao, Sán Dìu dùng làm thuốc. Trong đó ngành Thông đất có 2 loài chiếm 1,5%, ngành Dương xỉ có 3 loài chiếm 2,3%, ngành Ngọc lan có 128 loài chiếm 96,2%. Có 2 loài thuộc danh mục nguy cấp trong sách Đỏ Việt Nam và 2 loài thuộc Nghị định 32 của chính phủ.

Các loài cây dược liệu quý bị đe dọa

Kết quả điều tra cho thấy trên địa bàn xã có 12 loài cây thuốc quý bị đe dọa, trong đó: 01 loài thuộc nhóm IA theo Nghị định số 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ, nghiêm cấm khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại: Lan Kim tuyến (*Anoectochilus setaceus*), 01 loài thuộc nhóm IIA, hạn chế khai thác, sử dụng vì mục đích thương mại: Củ bình vôi (*Stephania rotunda* Lour.). Có 02 loài thuộc diện “nguy cấp” theo “Sách Đỏ Việt Nam, phần Thực vật”: Cốt toái bồ (*Drynaria fortunei* (Kunztze) J. Smith) và Tắc kè đá (*Drynaria bonii* Christ). Ngoài ra có 8 loài đang bị khai thác tận diệt và ngày càng hiếm gặp, được thể hiện cụ thể trong bảng 2 [11], [12].

Bảng 1. Thành phần loài và giá trị sử dụng các loài cây dược liệu được sử dụng làm thuốc tại xã Quân Chu, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên

STT	Tên Khoa học	Tên tiếng việt	Tên dân tộc	Dân tộc	Dạng sống	Công dụng (Tri thức bản địa)
	I. Lycopodiophyta	Ngành Thông đất				
	1. Lycopodiaceae	Họ thông đất				
1	<i>Lycopodiella cernua</i> (L.) Pic. Serm.	Thông đất	Bẹng mèo	Sán Dìu	Bụi	Tiêu thũng
2	<i>Huperzia serrata</i>	Thạch tùng răng cưa		Sán Dìu	Thảo	Chữa teo não, giảm sút trí nhớ
	II. Polypodiophyta	Ngành Dương xỉ				
	2. Polypodiaceae	Họ Ráng đa túc				
3	<i>Drynaria fortunei</i> (Kuntze) J. Smith	Cốt toái bồ (Tổ phượng, tổ rồng)		Sán Dìu	Thảo	Bổ thận, tráng dương, cầm máu
4	<i>Drynaria bonii</i> Christ	Cốt toái bồ (Tắc kè đá)		Sán Dìu	Thảo	Chữa suy thận
	3. Lygodiaceae	Họ Bồng bong				
5	<i>Lygodium flexuosum</i> Sw	Bồng bong	Thồng bong	Dao	Dây leo	Chữa đi ngoài, cầm máu/Bong gân
	III. Magnoliophyta	Ngành Ngọc lan				
	4. Acanthaceae	Họ Ô rô				
6	<i>Pseuderanthemum</i> sp.	Cây con khi		Sán Dìu	Bụi	Chữa bệnh về phổi, bạch hầu
7	<i>Justicia gendarussa</i> Burm.f.	Thanh táo		Dao	Bụi	Chữa đau mắt
	5. Actinidiaceae	Họ Dương đào				
8	<i>Saurauia fasciculata</i> Wall.	Sô dâ bó/Nóng dâ bó	Phác van	Sán Dìu	Gỗ	Chữa viêm đường tiết niệu
	6. Amaranthaceae	Họ Dền				
9	<i>Achyranthes aspera</i> L.	Cỏ sước	Méo lí lợt	Sán Dìu	Thảo	Chữa sỏi thận, sỏi mật
	7. Anacardiaceae	Họ Xoài				
10	<i>Rhus chinensis</i> Mill.	Muối	Bao mông rem	Sán Dìu	Gỗ	Tán sỏi thận/dạ dày, tá tràng
11	<i>Choerospondias axillaris</i> (Roxb.) Burtt.	Xoan nhừ		Sán Dìu	Gỗ	Chữa bóng
	8. Annonaceae	Họ Na				
12	<i>Goniothalamus vietnamensis</i> Ban	Bồ béo đen		Sán Dìu	Bụi	Mát gan, thận, chữa suy nhược
13	<i>Desmos chinensis</i> Lour.	Dẻ thơm		Dao	Gỗ	Cầm máu
14	<i>Fissistigma polyanthoides</i> (DC.) Merr.	Dời dơi		Dao	Gỗ	Chữa mụn nhọt, ghẻ lở, hắc lào
	9. Apiaceae	Họ Hoa tán				
15	<i>Centella asiatica</i> (L.) Usb.	Rau má		Dao	Thảo	Thanh nhiệt, giải độc
	10. Araceae	Họ Ráy				
16	<i>Rhaphidophora hongkongensis</i> Schott	Đuôi phượng	Thai thống bét đô nháo	Sán Dìu	Thảo	Chữa viêm khớp, xa gan

STT	Tên Khoa học	Tên tiếng việt	Tên dân tộc	Dân tộc	Dạng sống	Công dụng (Tri thức bản địa)
17	<i>Homalomena occulta</i> (Lour.) Schott	Thiên niên kiện	Ran hu chống	Sán Dìu	Thảo	Chữa đau nhức xương khớp
	11. Araliaceae	Họ Nhân sâm				
18	<i>Schefflera</i> sp.	Chân chim		Dao	Bụi	Chữa đau dây thần kinh, nước tiểu vàng
19	<i>Heteropanax fragrans</i> (Roxburgh ex Candolle) Seemann	Dị sâm		Sán Dìu	Bụi	Chữa thần kinh tọa
20	<i>Polyscias fruticosa</i> (L.) Harms	Đình lẵng		Dao	Bụi	Thuốc bổ
21	<i>Aralia armata</i> (Wall ex G. Don) Seem	Đơn châu chấu	Ràng num mia	Dao	Bụi	Chữa đau bụng đi ngoài
22	<i>Trevesia palmata</i> (Roxb. ex Lindl.) Vis.	Đu đủ rừng	Ran tông ca	Sán Dìu	Bụi	Chữa viêm phổi, nang phổi
	12. Asparagaceae	Họ Măng tây				
23	<i>Cordyline fruticosa</i> (L.) A.Chev.	Huyết dụ		Dao	Gỗ	Cầm máu
24	<i>Disporopsis longifolia</i> Craib	Song bào		Dao	Bụi	Chữa đau xương khớp
	13. Asteraceae	Họ Cúc				
25	<i>Blumea balsamifera</i> (L.) DC.	Đại bi	In bột	Dao	Bụi	Chữa đau mũi
26	<i>Sigesbeckia orientalis</i> L.	Hy thiêm		Dao	Thảo	Chữa mẩn ngứa, sởi
27	<i>Vernonia amygdalina</i> Delile	Lá đắng		Dao	Bụi	Chữa tiểu đường
28	<i>Eutrochium fistulosum</i> (Barratt) E.E.Lamont	Màn tưới		Dao	Thảo	Chữa phụ nữ băng kinh
29	<i>Artemisia vulgaris</i> L.	Ngải cứu		Dao	Thảo	Chữa đau đầu, đau dây thần kinh, điều hòa kinh nguyệt
30	<i>Blumea lanceolaria</i> (Roxb.) Druce	Xương xông		Dao	Thảo	Chữa viêm họng, thấp khớp
	14. Boraginaceae	Họ Vòi voi				
31	<i>Ehretia asperula</i> Zoll. & Moritzi	Xạ đen	Gan kiên	Dao	Bụi	Chữa u, ngăn ngừa ung thư, giải độc gan
	15. Buddlejaceae	Họ Bọ chó				
32	<i>Buddleja asiatica</i> Lour.	Bọ chó	Pit peo	Dao	Bụi	Chữa hen suyễn
	16. Caesalpiniaceae	Họ Vang				
33	<i>Bauhinia</i> sp.	Móng bò		Dao	Gỗ	Chữa hậu sản
	17. Capparaceae	Họ Bạch hoa				
34	<i>Stixis fasciculata</i> (King) Gagn.	Trứng quốc		Dao	Gỗ	Giải độc gan
	18. Caprifoliaceae	Họ Cơm cháy				
35	<i>Viburnum lutescens</i> Blume	Vót		Dao	Bụi	Chữa đau mũi xương khớp

STT	Tên Khoa học	Tên tiếng việt	Tên dân tộc	Dân tộc	Dạng sống	Công dụng (<i>Tri thức bản địa</i>)
	19. Clusiaceae	Họ Bứa				
36	<i>Garcinia oblongifolia</i> Champ. ex Benth.	Bứa	Lố mỏng	Sán Dìu	Gỗ	Chữa mê đay, mẩn ngứa
37	<i>Garcinia multiflora</i> Champ. ex Benth.	Dọc	Thai chổng móng	Sán Dìu	Gỗ	Giải độc gan, quả ăn được (vị chua)
	20. Commelinaceae	Họ Thài lài				
38	<i>Tradescantia pallida</i> (Rose) D.R.Hunt	Thài lài tía		Dao	Bụi	Chữa dong kinh, động thai
	21. Connaraceae	Họ Dây khế				
39	<i>Rourea minor</i> (Gaertn.) Alston	Chóc cầu		Dao	Gỗ nhỏ	Bỏ thận kinh
	22. Convolvulaceae	Họ Bìm bìm				
40	<i>Merremia</i> sp.	Bìm bìm		Sán Dìu	Dây leo	Chữa rắn cắn
	23. Costaceae	Họ Mía dò				
41	<i>Cheilocostus speciosus</i> (J.Koenig) C.D.Specht	Mía dò	Láo túi chạ	Sán Dìu	Bụi	Chữa phù thận, tiêu thũng
	24. Dilleniaceae	Họ Sỗ				
42	<i>Tetracera scandens</i> (L.) Merr.	Dây chặc chịu		Sán Dìu	Dây leo	Chữa thận, trẻ bị cam sài
43	<i>Dillenia turbinata</i> Finet & Gagnep.	Lọng bàng	Phi phai	Sán Dìu	Gỗ	Chữa trĩ, lòi rom
	25. Dioscoreaceae	Họ Củ nâu				
44	<i>Dioscorea hamiltonii</i> Hook.f.	Củ mài	Ran tuy	Sán Dìu	Dây leo	Thuốc bổ
	26. Dracaenaceae	Họ Phất dụ				
45	<i>Dracaena angustifolia</i> Roxb.	Phất dụ hẹp		Dao	Bụi	Chữa liệt dương
	27. Elaeagnaceae	Họ Nhót				
46	<i>Elaeagnus latifolia</i> L.	Nhót		Dao	Bụi	Chữa sỏi thận, ỉa chảy
	28. Euphorbiaceae	Họ Thầu dầu				
47	<i>Mallotus paniculatus</i> (Lam.) Muell. Arg.	Ba bét nam bộ (Bông bét)	Thạc men cay	Sán Dìu	Gỗ nhỏ	Chữa ung thư, chữa bỏng
48	<i>Euphorbia tirucalli</i> L.	Cây giao		Dao	Gỗ nhỏ	Chữa xoang
49	<i>Antidesma fordii</i> Hemsl.	Chòi mòi	Vô thẹn duy	Sán Dìu	Gỗ	Chữa suy thận cấp
50	<i>Alchornea rugosa</i> (Lour.) Muell.-Arg.	Đom đóm	Hò	Sán Dìu	Gỗ nhỏ	Chữa trĩ
51	<i>Excoecaria cochinchinensis</i> Lour.	Đon đỏ		Dao	Gỗ nhỏ	Chữa mẩn ngứa, dị ứng
52	<i>Croton kongensis</i> Gagnep.	Khỏ sấm		Dao	Gỗ nhỏ	Chữa đi ngoài/Gin chui óng mặt
53	<i>Claoxylon indicum</i> (Blume) Hassk.	Lộc mại		Sán Dìu	Gỗ nhỏ	Chữa táo bón
54	<i>Bischofia javanica</i> Blume	Nhội	Xương chấy	Sán Dìu	Gỗ	Chữa đau nhức xương khớp

STT	Tên Khoa học	Tên tiếng việt	Tên dân tộc	Dân tộc	Dạng sống	Công dụng (Tri thức bản địa)
55	<i>Homonoia riparia</i> Lour.	Rù rì	Slui liêm mia	Dao	Gỗ nhỏ	Chữa hậu sản
56	<i>Glochidion hirsutum</i> (Roxb.) Voigt	Sóc lông		Dao	Gỗ nhỏ	Chữa xoang
57	<i>Acalypha hispida</i> Burm.f.	Tai tượng		Sán Dìu	Gỗ	Chữa kê ở trẻ mới sinh
58	<i>Ricinus communis</i> L.	Thầu dầu		Dao	Gỗ	Chữa trĩ ngoại
29. Fabaceae		Họ Đậu				
59	<i>Bowringia callicarpa</i> Champ. ex Benth.	Dây bánh nem		Dao	Dây leo	Chữa đau mũi
60	<i>Spatholobus</i> sp.	Kê huyết đằng	Hoet thanh	Sán Dìu	Dây leo gỗ	Bồi bổ cơ thể, chữa hoa mắt, chóng mặt
61	<i>Desmodium gangeticum</i> (L.) DC.	Thóc lép		Sán Dìu	Bụi	Chữa phù thũng, chữa rắn cắn, giải độc
62	<i>Erythrina variegata</i> L.	Vông		Dao	Bụi	Chữa trĩ ngoại
30. Gnetaceae		Họ Dây gắm				
63	<i>Gnetum</i> sp.	Dây gắm		Dao	Dây leo	Giải độc, chữa đau dây thần kinh, đau xương
31. Hernandiaceae		Họ Liên đẳng				
64	<i>Illigera rhodantha</i> Hance	Liên đẳng hoa nhỏ	U khui thanh	Sán Dìu	Dây leo	Chữa đau nhức xương khớp/mát gan
32. Hypericaceae		Họ Ban				
65	<i>Cratoxylum cochinchinense</i> (Lour.) Blume	Thành ngạnh	Vóng mới củ	Sán Dìu	Gỗ	Chữa tiêu chảy, đường ruột
33. Icacinaceae		Họ Mộc thông				
66	<i>Gomphandra mollis</i> Merr.	Bồ bèo	đi eng tôm bi ềng	Dao	Bụi	Chữa hậu sản
67	<i>Iodes cirrhosa</i> Turcz.	Mộc thông (Dây khố rách)		Sán Dìu	Dây leo	Chữa khớp
68	<i>Belamcanda chinensis</i> (L.) DC.	Dẻ quạt		Dao	Thảo	Chữa viêm họng
34. Lamiaceae		Họ Hoa môi				
69	<i>Ocimum gratissimum</i> L.	Hương nhu		Dao	Thảo	Chữa cảm mạo
70	<i>Elsholtzia ciliata</i> (Thunb.) Hyland	Kinh giới		Dao	Thảo	Chữa cảm cúm, an thần
71	<i>Perilla frutescens</i> (L.) Britt.	Tía tô		Dao	Thảo	Chữa cảm cúm
35. Leeaceae		Họ Gối hạc				
72	<i>Leea indica</i> (Burm. f.) Merr.	Gối hạc ấn độ		Dao	Thảo	Chữa xương khớp, tiêu sưng, thông huyết
36. Liliaceae		Họ Hành				
73	<i>Paris poluphylla</i> Sm.	Bảy lá một hoa		Dao	Thảo	Chữa rắn cắn, ung thư

STT	Tên Khoa học	Tên tiếng việt	Tên dân tộc	Dân tộc	Dạng sống	Công dụng (Tri thức bản địa)
74	<i>Dianella ensifolia</i> (L.) DC.	Hương bài		Sán Dìu	Thảo	Cây độc
	37. Loranthaceae	Họ Tầm gửi				
75	<i>Chloranthus elatior</i> Link	Sỏi rừng		Dao	Bụi	Chữa tức ngực
76	<i>Helixanthera parasitica</i> Lour.	Tầm gửi		Sán Dìu	Dây leo	Chữa phụ nữ nóng trong, khó ăn, khó ngủ
	38. Malvaceae	Họ Cẩm quỳ				
77	<i>Abutilon indicum</i> (L.) Sweet	Cối xay		Dao	Bụi	Chữa bệnh về thận, phù thũng/gan
	39. Menispermaceae	Họ Tiết dê				
78	<i>Stephania rotunda</i> Lour.	Củ bình vôi	Dây gà áp	Sán Dìu	Dây leo	Chữa viêm khớp cấp
79	<i>Pericampylus glaucus</i> (Lam.) Merr.	Dây châu đảo	Mạ gia thanh/Xeng thanh	Sán Dìu	Dây leo	Chữa vô sinh, kích thích sinh lý nam, đá buốt
80	<i>Tinospora sinensis</i> (Lour.) Merr.	Dây đau xương	Tọ ti thanh	Sán Dìu	Dây leo	Chữa đau nhức xương khớp
81	<i>Fibraurea recisa</i> Pierre	Dây nam hoàng, Hoàng đằng	Lèng tăng/Vong thanh	Dao	Dây leo	Chữa đi ngoài ra máu/Viêm đại tràng, xơ gan
	40. Mimosaceae	Họ Trinh nữ				
82	<i>Acacia pennata</i> (L.) Willd.	Dây sồng rần	Ra cut lách	Sán Dìu	Bụi	Chữa zô la thần kinh
	41. Moraceae	Họ Dâu tằm				
83	<i>Ficus subpyriformis</i> Miq.	Đái bò		Dao	Bụi	Chữa đau xương, đau người
84	<i>Ficus pumila</i> L.	Dây sộp		Sán Dìu	Dây leo	Chữa xương khớp, bổ thận
85	<i>Ficus benjamina</i> L.	Si		Dao	Gỗ	Chữa đau khớp
86	<i>Ficus hirta</i> subsp. roxburghii (King) C.C.Berg	Vú bò		Dao	Gỗ	Chữa đau xương
	42. Myrsinaceae	Họ Đơn nem				
87	<i>Maesa</i> sp.	Chưa xác định được	Kèm tại trò	Dao	Bụi	Chữa cam ở trẻ em
88	<i>Ardisia quinquegona</i> Blume	Cơm nguội năm cạnh		Sán Dìu	Gỗ	Chữa mê đay, mẩn ngứa
89	<i>Ardisia</i> sp.	Trọng đũa		Dao	Thảo	Chữa bệnh về gan
90	<i>Syzygium sterrophyllum</i> Merr. & L. M. Perry	Trâm súi	Túi nim	Sán Dìu	Gỗ	Chữa viêm gan
	43. Oleaceae	Họ Nhài				
91	<i>Myxopyrum smilacifolium</i> Blume	Nương lê		Sán Dìu	Bụi	Chữa yếu sinh lý ở đàn ông
	44. Orchidaceae	Họ Lan				

STT	Tên Khoa học	Tên tiếng việt	Tên dân tộc	Dân tộc	Dạng sống	Công dụng (Tri thức bản địa)
92	<i>Anoectochilus setaceus</i> 45. Oxalidaceae	Lan kim tuyến Họ Chua me đất		Dao	Thảo	Chống viêm, ung thư
93	<i>Averrhoa carambola</i> L. 46. Pandanaceae	Khế Họ Dứa gai		Sán Dìu	Gỗ	Chữa mê đay, mẩn ngứa, lở sỏi
94	<i>Pandanus tonkinensis</i> Martelli ex B.C.Stone 47. Passifloraceae	Dứa bắc bộ Họ Lạc tiên	Táp tuy	Sán Dìu	Thảo	Chữa bệnh về gan, thận, lợi tiểu, tiêu thũng
95	<i>Passiflora foetida</i> L. 48. Piperaceae	Lạc tiên Họ Hồ tiêu		Sán Dìu	Dây leo	Chữa mất ngủ, an thần
96	<i>Piper</i> sp. 49. Plantaginaceae	Trầu rừng Họ Mã đề	Ran loi	Sán Dìu	Dây leo	Chữa đau nhức xương khớp
97	<i>Plantago major</i> L. 50. Poaceae	Mã đề Họ Lúa		Dao	Thảo	Chữa bệnh về thận, bệnh về đường tiết niệu, thanh nhiệt
98	<i>Phragmites karka</i> (Retz.) Trin. ex Steud.	Sậy núi		Sán Dìu	Dây leo	Tiêu thũng, mát gan
99	<i>Coix lacryma-jobi</i> L. 51. Polygonaceae	Ý dĩ Họ Rau răm		Dao	Thảo	Lợi tiểu, kích thích tiêu hóa
100	<i>Polygonum chinense</i> L. 52. Rhamnaceae	Thôm lôm Họ Táo		Dao	Thảo	Chữa phù thũng, giải độc
101	<i>Ventilago</i> sp.	Chưa xác định được	Dây trùng rùa	Dao	Dây leo	Chữa bệnh về gan, thận
102	<i>Gouania javanica</i> Miq. 53. Rosaceae	Dây đòn gánh, Dây kẻ cắp Họ Hoa hồng		Sán Dìu	Dây leo	Chữa vết thương bị bầm dập, tím
103	<i>Rubus alceifolius</i> Poir.	Mâm xôi	Đùm đùm	Sán Dìu	Bụi	Chữa đầy bụng, khó tiêu, tiêu thũng
104	<i>Rubus cochinchinensis</i> Tratt. 54. Rubiaceae	Ngấy hương, Đùm tía Họ Cà phê		Dao	Bụi	Chữa mất ngủ
105	<i>Morinda officinalis</i> F. C. How	Ba kích	Chói hông kin	Sán Dìu	Dây leo	Bổ thận, mạnh xương khớp/Đau lưng
106	<i>Hedyotis capitellata</i> var. pubescens Kurz	Dạ cầm	Vô thệp thanh	Sán Dìu	Bụi	Chữa viêm loét dạ dày, nhiệt miệng
107	<i>Gardenia jasminoides</i> J. Ellis	Dành dành		Dao	Dây leo	Chữa gan
108	<i>Gardenia stenophylla</i> Merr.	Dành dành lá hẹp	Võng cổ chống	Sán Dìu	Bụi	Chữa khớp, gan, sỏi thận

STT	Tên Khoa học	Tên tiếng việt	Tên dân tộc	Dân tộc	Dạng sống	Công dụng (Tri thức bản địa)
109	<i>Psychotria rubra</i> (Lour.) Poir.	Lầu đỏ		Dao	Bụi	Chữa bệnh về gan, thận
110	<i>Lasianthus cyanocarpus</i> Jack.	Xú hương		Sán Dìu	Bụi	Chữa viêm đại tràng
	55. Rutaceae	Họ Cam				
111	<i>Melicope pteleifolia</i> (Champ. ex Benth.) T.G. Hartley	Ba chạc		Dao	Bụi	Tắm ghê, ngứa
112	<i>Acronychia pedunculata</i> (L.) Miq.	Bưởi bung		Sán Dìu	Gỗ	Chữa đau nhức xương khớp
113	<i>Glycosmis pentaphylla</i> (Retz.) Correa	Cơm rượu		Dao	Bụi	Chữa gan, thận
114	<i>Micromelum minutum</i> (Forst. f.) Wight.	Kim sương	Phác mốc chấy	Sán Dìu	Gỗ	Chữa đái đục, đái đỏ
115	<i>Citrus medica</i> L.	Phật thủ		Dao	Gỗ	Giải độc
	56. Sapotaceae	Họ Hồng xiêm				
116	<i>Eberhardia tonkinensis</i> Lecomte	Cồng sữa bắc		Dao	Gỗ	Chữa bệnh về gan
	57. Schisandraceae	Họ Ngũ vị tử				
117	<i>Kadsura coccinea</i> (Lem.) A. C. Sm.	Na rừng	Van chuy thun	Sán Dìu	Dây leo	Chữa đau nhức xương khớp
	58. Scrophulariaceae	Họ Hoa mõm sói				
118	<i>Picria fel-terrae</i> Lour.	Mật đất		Dao	Thảo	Chữa bệnh đường ruột
119	<i>Adenosma caeruleum</i> R. Br.	Nhân trần		Dao	Thảo	Mát gan, thanh nhiệt, chữa viêm gan
	59. Solanaceae	Họ Cà				
120	<i>Solanum procumbens</i> Lour.	Cà gai leo		Dao	Bụi	Chữa gan, rắn cắn
	60. Sonneratiaceae	Họ Bần				
121	<i>Duabanga grandiflora</i> (DC.) Walp.	Phay		Dao	Gỗ	Chữa dạ dày, đại tràng
	61. Stemonaceae	Họ Bách bộ				
122	<i>Stemona tuberosa</i> Lour.	Bách bộ	Chấy nạ duy	Sán Dìu	Dây leo	Chữa đau nhức xương khớp
	62. Sterculiaceae	Họ Trôm				
123	<i>Sterculia lanceolata</i> Cav.	Sảng		Sán Dìu	Gỗ	Tán sỏi thận
	63. Symplocaceae	Họ Dung				
124	<i>Symplocos cambodiana</i> Hallier f.	Dung	Tạ xai đặng/Bạo voi	Dao	Gỗ	Chữa viêm loét dạ dày
	64. Theaceae	Họ Chè				
125	<i>Camellia tamdaoensis</i> Ninh et Hakoda	Chè hoa vàng	Tan cay sa	Sán Dìu	Gỗ nhỏ	Chữa xơ vữa động mạch, giảm mỡ máu, ngăn ngừa ung thư
	65. Verbenaceae	Họ Cỏ roi ngựa				

STT	Tên Khoa học	Tên tiếng việt	Tên dân tộc	Dân tộc	Dạng sống	Công dụng (Tri thức bản địa)
126	<i>Clerodendrum chinense</i> (Osbeck) Mabb.	Bạch đồng nữ		Dao	Bụi	Chữa mụn nhọt, ghê lở, hắc lào
127	<i>Premna flavescens</i> Wall. ex C. B. Clarke	Cách vàng		Dao	Bụi	Chữa bệnh đường ruột, thận/ Xơ gan, xương khớp
128	<i>Callicarpa</i> sp.	Chưa xác định được	Miền nôm đao	Dao		Làm sạch máu sau khi sinh
129	<i>Clerodendrum cyrtophyllum</i> Turcz.	Đắng cây	Ồi đắng	Sán Dìu	Bụi	Chữa ghê
130	<i>Vitex tripinnata</i> Lour.	Đền	Ngòong câu đặng	Dao	Gỗ	Chữa đau xương, đau người
131	<i>Clerodendrum japonicum</i> (Thunb.) Swet	Xích đồng nam		Dao	Bụi	Thanh nhiệt, giải độc, kinh nguyệt không đều
66. Zingiberaceae		Họ gừng				
132	<i>Alpinia globosa</i> (Lour.) Horan.	Sẹ		Sán Dìu	Thảo	Kích thích tiêu hóa
133	<i>Amomum longiligulare</i> T. L. Wu.	Sa nhân		Dao	Thảo	Chữa đau bụng, đầy hơi

Bảng 2. Các loài cây dược liệu quý bị đe dọa

STT	Tên Khoa học	Tên tiếng việt	Tên dân tộc	Dân tộc	Hiện trạng	Dạng sống	Công dụng
1	<i>Lycopodiella cernua</i> (L.) Pic. Sern.	Thông đất	Bẹng mèo	Sán Dìu	Khai thác tận diệt	Bụi	Tiêu thủng
2	<i>Huperzia serrata</i>	Thạch tùng răng cưa		Sán Dìu	Khai thác tận diệt	Thảo	Chữa teo não, giảm sút trí nhớ
3	<i>Drynaria fortunei</i> (Kuntze) J. Smith	Cốt toái bồ (Tổ phượng, tổ rồng)		Sán Dìu	EN	Thảo	Bổ thận, tráng dương, cầm máu
4	<i>Drynaria bonii</i> Christ	Cốt toái bồ (Tắc kè đá)		Sán Dìu	EN	Thảo	Chữa suy thận
5	<i>Homalomena occulta</i> (Lour.) Schott	Thiên niên kiện	Ran hu chống	Sán Dìu	Khai thác nhiều	Thảo	Chữa đau nhức xương khớp
6	<i>Spatholobus</i> sp.	Kê huyết đằng	Hoet thanh	Sán Dìu	Khai thác tận diệt	Dây leo gỗ	Bồi bổ cơ thể, chữa hoa mắt, chóng mặt
7	<i>Paris poluphylla</i> Sm.	Bảy lá một hoa		Dao	Khai thác tận diệt	Bụi	chữa rắn cắn, ung thư
8	<i>Stephania rotunda</i> Lour.	Củ bình vôi	Dây gà ấp	Sán Dìu	Nhóm IIA	Dây leo	Chữa viêm khớp cấp
9	<i>Anoectochilus setaceus</i>	Lan kim tuyến		Dao	Nhóm IA	Thảo	Chống viêm, ung thư
10	<i>Morinda officinalis</i> F. C. How	Ba kích	Chối hồng kin	Sán Dìu	Khai thác tận diệt	Dây leo	Bổ thận, mạnh xương khớp/Đau lưng
11	<i>Solanum procumbens</i> Lour.	Cà gai leo		Dao	Hiếm gặp	Bụi	Chữa gan, rắn cắn
12	<i>Camellia tamdaoensis</i> Ninh et Hakoda	Chè hoa vàng	Tan cay sa	Sán Dìu	Khai thác tận diệt	Gỗ nhỏ	Chữa xơ vữa động mạch, giảm mỡ máu, ngăn ngừa ung thư

Đánh giá và đề xuất một số mô hình bảo tồn và sử dụng bền vững cây dược liệu

(1) Mô hình bảo tồn cây dược liệu tại vườn nhà của ông Dương Trung Quý – Xóm Hòa Bình

Gia đình nhà ông Quý có truyền thống làm nghề thuốc nam từ lâu đời. Đến nay, ông và con cháu vẫn kế tục nghề gia truyền. Nguyên liệu làm thuốc (cao thực vật) chủ yếu được khai thác từ vùng núi Tam Đảo. Trung bình mỗi năm ông nấu khoảng 50 kg cao thực vật, giá bán lẻ 200.000/lạng. Những năm gần đây, nhận thấy nguồn nguyên liệu ngày càng khan hiếm, khó tìm, ông cùng gia đình đã di thực rất nhiều loài dược liệu quý hiếm về trồng tại vườn nhà. Đầu tiên là chủ động nguồn nguyên liệu, ít nhất là những vị chủ lực trong các bài thuốc, sau đó là bảo tồn được những loài có nguy cơ tuyệt chủng.

Đề xuất: Cần có chính sách hỗ trợ giao đất giao rừng để những hộ như gia đình ông Quý có thể trồng bảo tồn các loài dược liệu quý tại khu vực rừng núi có khí hậu thổ nhưỡng phù hợp. Đồng thời tuyên truyền nhân rộng mô hình bảo tồn cây thuốc tại vườn nhà nhằm đảm bảo nguồn gen quý không bị mất đi trong tương lai.

(2) Mô hình trồng Ba kích, Đinh lăng nhà ông Trần Đức Luyện

Nhu cầu Ba kích, Đinh lăng của thị trường rất lớn, mà tài nguyên trong tự nhiên gần như cạn kiệt, nên ông Luyện đã tự nhân giống và trồng thành công Ba Kích, Đinh lăng với mục đích thương mại hóa. Kết quả cây Ba kích, Đinh lăng phát triển tốt, khí hậu thổ nhưỡng trên địa bàn xã hoàn toàn phù hợp. Huyện Đại từ cũng có chủ trương và dự án hỗ trợ kỹ thuật, vốn giống cho việc trồng thương mại các cây dược liệu quý.

Phát triển trồng Ba kích thâm canh theo hướng sản xuất hàng hóa nhằm góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, tạo việc làm cho các hộ nông dân, giải quyết được việc thiếu nguyên liệu dược liệu trong nước và xuất khẩu, đồng thời nâng cao hiệu quả sử dụng đất, bảo vệ, chống xói mòn đất và giữ nước.

Ba kích là cây dược liệu quý, có giá trị kinh tế cao (giá bán hiện tại từ 150.000 đến 200.000 đồng/1 kg củ tươi)

Đề xuất: Cần nhân rộng mô hình trồng cây dược liệu theo hướng sản xuất hàng hóa, hạn chế việc khai thác từ tự nhiên.

KẾT LUẬN

Kết quả điều tra đã xác định được thành phần loài, dạng sống, giá trị sử dụng của 133 loài cây dược liệu trên địa bàn xã Quân Chu, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, nằm trong 3 ngành, 66 họ, ngành Ngọc lan chiếm số lượng chủ yếu (96,2%). Trong đó có 12 loài quý hiếm bị đe dọa ở nhiều mức độ khác nhau: Nguy cấp, nghiêm cấm hay hạn chế khai thác sử dụng vì mục đích thương mại, một số bị khai thác tận diệt và ngày càng hiếm gặp.

Đề xuất trồng bảo tồn tại vườn nhà những cây thuốc quý, hiếm, có nguy cơ cao. Đồng thời trồng theo hướng sản xuất hàng hóa những loài dược liệu quý hiếm phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng khí hậu: Kim ngân, Cà gai leo, Khúc khắc, Kim tiền thảo, Bồ công anh, Xạ đen, Ba kích, Sa nhân, Trà hoa vàng... nhằm phục vụ nhu cầu thị trường và mang lại giá trị kinh tế cao, ổn định và bền vững cho người dân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Hoàng Chung, *Các phương pháp nghiên cứu quần xã thực vật*, Nxb Giáo dục, 2008.
- [2]. Nguyễn Nghĩa Thìn, *Các phương pháp nghiên cứu thực vật*, Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2008.
- [3]. Trung tâm Khoa học Tự nhiên và Công nghệ Quốc gia, *Danh lục các loài thực vật Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 2003, 2005.
- [4]. Phạm Hoàng Hộ, *Cây cỏ Việt Nam*, Nxb Trẻ Tp. Hồ Chí Minh, 2003.
- [5]. Võ Văn Chi, *Từ điển cây thuốc Việt Nam*, Nxb Y học, Hà Nội, 1996.
- [6]. Đỗ Tất Lợi, *Những cây thuốc và vị thuốc Việt Nam*, in lần thứ 13, Nxb Y học, Hà Nội, 2005.
- [7]. Trần Đình Lý, *1900 loài cây có ích ở Việt Nam*, Nxb Thế giới, 1993.
- [8]. Nguyễn Tập, *Cẩm nang cây thuốc cần bảo vệ ở Việt Nam*, Nxb Mạng lưới lâm sản ngoài gỗ Việt Nam, Hà Nội, 2007.

- [9]. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, *Tên cây rừng Việt Nam*, Nxb Nông nghiệp, Hà Nội, 2000.
- [10]. Bộ Y tế, Viện Dược liệu, *Nghiên cứu thuốc từ thảo dược*, Nxb Khoa học và Kỹ thuật, 2006.
- [11]. Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam, *Sách đỏ Việt Nam – Phần Thực vật*, Nxb Khoa học tự nhiên và Công nghệ, 2007.
- [12]. Nghị định về quản lý thực vật rừng, động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm của Chính phủ (2006) – Nghị định Số: 32/2006/NĐ-CP ngày 30 tháng 3 năm 2006.